TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **55/**2023/HNGĐ-ST
Ngày 14/7/2023
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sơn Hải và ông Ngô Cao Lâm.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*:** Ông Bàng Đức Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 130/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Cao Thị Ch.**, sinh năm 1978; Nơi ĐKHKTT: Thôn C, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Quàn, xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương *(vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)*.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T.**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang *(vắng mặt không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Ch. và anh Nguyễn Văn T. kết hôn với nhau vào năm 2000, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 15/11/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm việc tại xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, hạnh phúc được thời gian ngắn, hiện nay vợ chồng đang sống ly thân. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 3 năm 2023 chị Cao Thị Ch. có đơn khởi kiện đề nghị

Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T..

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị Ch. trình bày: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường bất đồng quan điểm, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Hiện tại chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T..

Lời khai bị đơn anh Nguyễn Văn T. có trong hồ sơ thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, khoảng 04 (bốn) năm trở lại đây chị Cao Thị Ch. đi làm ăn xa không quay trở về, chỉ liên lạc về gia đình nói chuyện với các con, không nói chuyện với anh. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nếu chị Ch. trở về anh chị sẽ chung sống bình thường, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị Cao Thị Ch. và anh Nguyễn Văn T. có 02 con chung là Nguyễn Thị L., sinh ngày 02/12/2001 và Nguyễn Thị N., sinh ngày 06/9/2003. Các cháu hiện đã trưởng thành, cháu L. đã lấy chồng ra ở riêng nên tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Cao Thị Ch. và anh Nguyễn Văn T. không có, không đề nghị giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Anh Nguyễn Văn T. có hộ khẩu thường trú tại thôn Đồng Cháy, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh Nguyễn Văn T. và chị Cao Thị Ch. kết hôn với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn Đồng Cháy, xã V.. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, vài năm trở lại đây phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, hiện đang sống ly thân. Chị Ch. đi làm ăn ở Hải Dương, anh T. là lao động thi thoảng đi làm ăn xa một thời gian sau đó về rồi lại đi.

Anh Nguyễn Văn T. làm lao động tự do, thi thoảng đi làm ăn xa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T. vẫn không đến Tòa án làm việc. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn mà không tiến hành hòa giải.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Chị Cao Thị Ch. và anh Nguyễn Văn T. kết hôn vào năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện S là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, có phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng sống ly thân. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xử cho chị Cao Thị Ch. được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.; về con chung, tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Cao Thị Ch. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.; không đề nghị giải quyết về con chung, tài sản, công nợ chung. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là "Ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T. nhiều lần nhưng anh T. không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Cao Thị Ch. vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn T. vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 28, 35, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Ch. và anh Nguyễn Văn T. kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 15/11/2000 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện sống ly thân. Tháng 3/2023 chị Ch. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T..

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Cao Thị Ch. và anh Nguyễn Văn T. bình thường, có mâu thuẫn, vợ chồng hiện sống ly thân nên xác định hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Cao Thị Ch. được ly hôn với anh Nguyễn Văn T..

2.2. Về con chung: Chị Cao Thị Ch. và anh Nguyễn Văn T. có 02 con chung là Nguyễn Thị L., sinh ngày 02/12/2001 và Nguyễn Thị N., sinh ngày 06/9/2003. Các cháu hiện đã trưởng thành, cháu L. đã lấy chồng ra ở riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung: Chị Cao Thị Ch. xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về công nợ chung: Chị Cao Thị Ch. và anh Nguyễn Văn T. không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Cao Thị Ch. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị Ch. được ly hôn với anh Nguyễn Văn T..

2. Về án phí: Chị Cao Thị Ch. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002681 ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị Cao Thị Ch. đã nộp đủ án phí của vụ án.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TQ;*
- *VKSND huyện SD;*
- *Chi cục THADS huyện SD;*
- *UBND xã V. (Nơi ĐKKH);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VT- HS.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Hồng Chiến